

Bản án số: 19/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 10/6/2022

V/v “*Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

*** Với Hội Đg xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thiện

2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Xuân Trường – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2022 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 65 ngày 26/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn Thượng Đ (Đ), xã Liên S, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27/12/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1994, khi cưới vợ chồng chị có đến UBND xã Liên S để làm thủ đăng ký kết hôn nhưng do cả chị và anh T đều chưa có giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ tùy thân khác nên không đăng ký kết hôn được và về cử hành hôn lễ. Sau khi cưới xong chị về làm dâu gia đình anh T chung sống tại thôn Thượng Đ (Đ), xã Liên S đến khoảng năm 1996 đến 1997 thì xã có đợt tổ chức đăng ký kết hôn cho những trường hợp chưa đăng ký, cán bộ xã về thôn làm thủ tục đăng ký kết hôn cho vợ chồng chị nhưng do thời gian đã lâu, chị không nhớ tên cán bộ làm thủ tục đăng ký cho vợ chồng chị. Khi đi làm thủ tục giấy tờ để làm đơn ly hôn thì chị có đến UBND xã Liên S xin giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nhưng cán bộ tư pháp cho biết là không còn lưu trữ

hồ sơ của vợ chồng chị. Nay chị và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn, hay uống rượu say và đập phá nhà cửa, chửi bới vợ con vô cớ. Chị và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Tháng 4/2010, do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 4/2010 cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống nên chị xin ly hôn anh T. Trường hợp không xác định được tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị vì hiện nay chị không cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật vì bản thân chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Phạm Văn T, sinh ngày 11/3/1995, hiện nay cháu khỏe mạnh, đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị Hoàng Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Tân Yên đã tiến hành thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn T để anh T thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Anh T không viết bản tự khai cũng như không trình bày nội dung gì liên quan đến vụ án vì vậy Toà án không tiến hành lấy lời khai của anh T được.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên toà sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS, bị đơn không chấp hành các quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H không công nhận chị H và anh T là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: không xem xét giải quyết; về án phí: Chị H phải chịu 300.000 Đg án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội Đg xét xử thấy:

[1] Về tố tụng dân sự: Đối với anh **Phạm Văn T**, mặc dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tham gia phiên toà xét xử nhưng anh T vẫn không có ý kiến phản hồi, Đg thời cũng không có mặt tại phiên toà để trình bày ý kiến của mình nên Hội Đg xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của [Bộ luật Tố tụng dân sự](#) tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định. Chị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Phạm Văn T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: thôn Thượng Đ (Đ), xã Liên S, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, Hội Đg xét xử thấy: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử đã xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Quá trình giải quyết vụ án, thì thấy tranh chấp giữa chị Hoàng Thị H và anh **Phạm Văn T** là “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên HĐXX xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” để đảm bảo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị H, anh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1994 đến năm 2010. Theo chị H trình bày, giữa chị và anh T khi cưới không đăng ký kết hôn mà sau đó mấy năm có cán bộ xã đến nhà làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng chị không nhớ tên cán bộ và không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Tại các biên bản xác minh với địa phương bà Nguyễn Thị Thắm - Cán bộ tư pháp xã Liên S cung cấp hiện nay toàn bộ sổ đăng ký kết hôn của công dân tại UBND Liên S từ năm 1994 đến năm 1995 UBND xã không còn lưu trữ. Như vậy, không có căn cứ nào thể hiện chị H và anh T có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị H, anh T đã vi phạm về hình thức đăng ký kết hôn được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị H yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do trong thời gian chung sống, anh T không tu chí làm ăn, hay uống rượu say và đập phá nhà cửa, chửi bới chị và con vô cớ. Theo tinh thần tại điểm b khoản 3 của [Nghị quyết 35/2000](#) của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ, chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của [Luật hôn nhân và gia đình năm 2000](#) để giải quyết. Mặt khác theo Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn thực tế của chị H, anh T đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân

không đạt được, Đg thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng. Như vậy, không có căn cứ xác định chị H và anh T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân của chị H và anh T không hợp pháp. Hội Đg xét xử thấy cần không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T có 01 con chung là Phạm Văn T, sinh ngày 11/3/1995 đã trưởng thành, khỏe mạnh nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 Đg án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn T.

2. Án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 Đg án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 Đg tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0011480 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Chị Hoàng Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: **Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Tân Yên;
- Chi cục T.H.A Tân Yên
- Các đương sự;
- UBND xã Liên S;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Duyên